

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐAN PHƯỢNG
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án: 06/2017/KDTM-ST

Ngày: 29 - 9 - 2017.

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐAN PHƯỢNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Doãn Văn Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Trường. Nghề nghiệp: Cán bộ hưu trí.

Nơi cư trú: Xã Liên Trung, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội.

2. Bà Nguyễn Thị Chiều. Nghề nghiệp: Cán bộ hưu trí.

Nơi cư trú: Thị trấn Phùng, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm Ckhai vụ án dân sự thụ lý số 08/2017/TLST-KDTM ngày 26 tháng 6 năm 2017 về việc tranh chấp Hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2017/QĐXXST-KDTM ngày 25 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần A (ACB).

Địa chỉ trụ sở: Số 442 Nguyễn Thị Minh K, phường M, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Minh T; chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Đặng Trường S; chức vụ: Phó Trưởng phòng pháp chế và tuân thủ - Ngân hàng Thương mại cổ phần A(Theo văn bản uỷ quyền số 619/UQ-ACBA.12 ngày 09/11/2012 của Tổng Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần A). Người được uỷ quyền tham gia tố tụng: Ông Trần Đại A; chức vụ: Nhân viên Ngân hàng Thương mại cổ phần A (Theo văn bản uỷ quyền ngày 08/11/2016); có mặt.

2. Bị đơn: Anh Hoàng Khắc C, sinh năm 1981; vắng mặt.

Chị Đặng Thị M, sinh năm 1986; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Cụm 3, xã L, huyện Đ, Thành phố Hà Nội.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1941; vắng mặt.

+ Cháu Hoàng Thị Yến N, sinh năm 2007; cháu Hoàng Thị Phương T, sinh năm 2009 và cháu Hoàng Khắc H, sinh năm 2013. Người đại diện theo pháp luật là anh Hoàng Khắc C, sinh năm 1981 và chị Đặng Thị M, sinh năm 1986 (là bố, mẹ đẻ cháu N, T và H); vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Cụm 3, xã L, huyện Đ, Thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần A (ACB) trình bày:

Ngày 22/5/2010, Ngân hàng Thương mại cổ phần A và anh Hoàng Khắc C, chị Đặng Thị M ký Hợp đồng tín dụng trung - dài hạn số HAD.CN.01200510 cho anh Hoàng Khắc C và chị Đặng Thị M vay bằng Khế ước nhận nợ số 1-TK: 79496149 ngày 22/5/2010. Số tiền Ngân hàng giải ngân cho anh C, chị M vay là 100.000.000 đồng; mục đích bổ sung vốn sản xuất kinh doanh đồ gỗ; thời hạn vay từ ngày 22/5/2010 đến ngày 31/01/2018; lãi suất vay trong hạn 15,62%/năm; lãi suất vay được cố định trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày bên vay nhận tiền vay lần đầu, lãi suất vay được điều chỉnh 3 tháng/1 lần; lãi suất vay quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Cùng ngày 22/5/2010, Ngân hàng Thương mại cổ phần A và anh Hoàng Khắc C, chị Đặng Thị M ký tiếp Hợp đồng tín dụng trung - dài hạn số HAD.CN.02200510 cho anh C và chị M vay bằng Khế ước nhận nợ số 1-TK: 79514539 ngày 22/5/2010. Số tiền Ngân hàng giải ngân cho anh C, chị M vay là 100.000.000 đồng; mục đích bổ sung vốn sản xuất kinh doanh đồ gỗ; thời hạn vay từ ngày 22/5/2010 đến ngày 31/01/2018; lãi suất vay trong hạn 15,62%/năm; lãi suất vay được cố định trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày bên vay nhận tiền vay lần đầu, lãi suất vay được điều chỉnh 3 tháng/1 lần; lãi suất vay quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Ngày 14/12/2010, Ngân hàng Thương mại cổ phần A và anh Hoàng Khắc C, chị Đặng Thị M ký Hợp đồng tín dụng trung - dài hạn số HAD.CN.01141210 cho anh C và chị M vay bằng Khế ước nhận nợ số 01 ngày 14/12/2010. Số tiền Ngân hàng giải ngân cho anh C, chị M vay là 150.000.000 đồng; mục đích bổ sung vốn sản xuất kinh doanh đồ gỗ; thời hạn vay từ ngày 14/12/2010 đến ngày 31/01/2018; lãi suất vay trong hạn 19%/năm; lãi suất vay được cố định trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bên vay nhận tiền vay lần đầu, lãi suất vay được điều chỉnh 1 tháng/1 lần; lãi suất vay quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Ngày 27/5/2011, Ngân hàng Thương mại cổ phần A và anh Hoàng Khắc C, chị Đặng Thị M ký Hợp đồng tín dụng trung - dài hạn số HAD.CN.01270511 cho anh C và chị M vay bằng Khế ước nhận nợ số 03 - TK:136980849 ngày 25/5/2012. Số tiền Ngân hàng giải ngân cho anh C, chị M vay là 250.000.000 đồng; mục đích bổ sung

vốn sản xuất kinh doanh đồ gỗ; thời hạn vay từ ngày 27/5/2011 đến ngày 31/01/2017; lãi suất vay trong hạn 18,55%/năm; lãi suất vay được cố định trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bên vay nhận tiền vay lần đầu, lãi suất vay được điều chỉnh 3 tháng/1 lần; lãi suất vay quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, đến ngày 30/10/2014 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần A và anh C, chị M đã ký Hợp đồng sửa đổi bổ sung ngày 30/10/2014, sửa đổi bổ sung các hợp đồng tín dụng nêu trên.

Để đảm bảo cho khoản vay, giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần A và anh Hoàng Khắc C, chị Đặng Thị M đã ký kết hợp đồng thế chấp khối tài sản: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 112, tờ bản đồ số 03, diện tích 285,1m² ở thôn H, xã L, huyện Đ, Thành phố Hà Nội; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AQ 005007, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H00703 do Ủy ban nhân dân huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội cấp ngày 30/9/2009. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Nguyễn Thị T, ngày 04/01/2010 bà T và gia đình đã chuyển quyền sử dụng cho anh Hoàng Khắc C và đã được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội chỉnh lý biến động từ bà T sang tên anh Hoàng Khắc C. Việc thế chấp tài sản đã được lập thành Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, số công chứng: 4366.10/HĐTC ngày 21/5/2010 tại Văn phòng công chứng số 1 Thành phố Hà Nội. Việc thế chấp tài sản được đăng ký thế chấp theo qui định của pháp luật.

Quá trình thực hiện các hợp đồng thì anh Hoàng Khắc C, chị Đặng Thị M chỉ trả được cho Ngân hàng tổng số tiền là 332.799.669 đồng. Sau đó, do làm ăn gặp khó khăn nên anh C, chị M không trả được nợ gốc, lãi theo thỏa Tận đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Vì vậy, Ngân hàng Thương mại cổ phần A đã có thông báo thu hồi nợ trước hạn và ngày 08/5/2015 Ngân hàng đã chuyển số nợ anh C, chị M vay còn thiếu sang nợ quá hạn.

Tính đến ngày 29/9/2017, anh C và chị M còn nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần A các khoản nợ của 04 hợp đồng tín dụng, cụ thể như sau:

+ Đối với hợp đồng số HAD.CN.01200510, anh C và chị M còn nợ là 71.826.633 đồng; trong đó nợ gốc 37.510.000 đồng, lãi trong hạn 17.937.573 đồng, lãi quá hạn 16.379.060 đồng.

+ Đối với hợp đồng số HAD.CN.02200510, anh C và chị M còn nợ là 71.826.633 đồng; trong đó nợ gốc 37.510.000 đồng, lãi trong hạn 17.937.573 đồng, lãi quá hạn 16.379.060 đồng.

+ Đối với hợp đồng số HAD.CN.01141210, anh C và chị M còn nợ là 150.115.829 đồng; trong đó nợ gốc 78.125.000 đồng, lãi trong hạn 37.505.985 đồng, lãi quá hạn 34.484.844 đồng.

+ Đối với hợp đồng số HAD.CN.01270511, anh C và chị M còn nợ là 534.577.233 đồng; trong đó nợ gốc 242.000.000 đồng, lãi trong hạn 116.226.450 đồng, lãi quá hạn 176.350.783 đồng.

Như vậy, tổng số tiền anh C và chị M còn nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần A gồm: Nợ gốc: 395.145.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 189.607.581 đồng; nợ lãi quá hạn: 243.593.747 đồng. Tổng cộng: 828.346.328 đồng.

Nay Ngân hàng Thương mại cổ phần A đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu anh Hoàng Khắc C và chị Đặng Thị M có trách nhiệm trả toàn bộ số nợ trên cho Ngân hàng. Trường hợp anh C và chị M không trả được nợ thì Ngân hàng đề nghị phát mãi tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 112, tờ bản đồ số 03, diện tích 285,1m² ở thôn H, xã L, huyện Đ, Thành phố Hà Nội đã thế chấp cho Ngân hàng để thu hồi khoản vay. Ngoài ra, Ngân hàng cũng yêu cầu anh C, chị M phải trả lãi suất phát sinh theo thoả thuận trong hợp đồng tín dụng, tính từ thời điểm ngày 30/9/2017 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

- Bị đơn chị Đặng Thị M trình bày: Chị là vợ anh Hoàng Khắc C, chị kết hôn với anh C năm 2006. Sau khi kết hôn vợ chồng chị sinh sống cùng bà Nguyễn Thị T là mẹ đẻ anh C. Chị và anh C sinh được ba con chung là Hoàng Thị Yến N, sinh năm 2007; Hoàng Thị Phương T, sinh năm 2009 và Hoàng Khắc H, sinh năm 2013. Năm 2010, do cần vốn kinh doanh đồ gỗ nên chị và anh C đã vay Ngân hàng Thương mại cổ phần A tổng số tiền là 600.000.000 đồng; vay bằng 04 hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ, cụ thể: Ngày 22/5/2010 vay hai lần, với số tiền là 200.000.000 đồng, lãi suất trong hạn 15,62%, lãi suất quá hạn 150%, thời hạn vay từ ngày 22/5/2010 đến ngày 31/01/2018. Ngày 14/12/2010 vay số tiền 150.000.000 đồng; lãi suất trong hạn 19%, lãi suất quá hạn 150%, thời hạn vay từ ngày 14/12/2010 đến ngày 31/01/2018. Ngày 27/5/2011 vay số tiền 250.000.000 đồng; lãi suất trong hạn 18,55%, lãi suất quá hạn 150%, thời hạn vay từ ngày 27/5/2011 đến ngày 31/01/2017.

Sau khi vay tiền, chị và anh C đã trả được một phần tiền gốc và lãi cho Ngân hàng, cụ thể số tiền trả bao nhiêu chị không nhớ vì việc kinh doanh do anh C quyết định. Khi vay tiền chị và anh C thế chấp quyền sử dụng đất tại thửa đất số 112, tờ bản đồ số 03, diện tích 285,1m² ở thôn H, xã L, huyện Đ, Thành phố Hà Nội. Thửa đất thế chấp là của bà Nguyễn Thị T (mẹ chồng chị) cho anh C. Ngày 04/01/2010, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Đan Phượng đã chỉnh lý biến động từ bà Nguyễn Thị T sang tên anh Hoàng Khắc C. Nay do điều kiện làm ăn của anh chị còn gặp nhiều khó khăn nên không trả được nợ, vì vậy Ngân hàng khởi kiện đòi nợ, chị đồng ý trả số tiền gốc và xin Ngân hàng số tiền lãi.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T trình bày: Bà là vợ ông Hoàng Khắc C (chết năm 2000). Bà và ông C sinh được hai con chung là chị Hoàng Thị L và anh Hoàng Khắc C. Anh C có vợ là chị Đặng Thị M và có 03 con chung là cháu

Hoàng Thị Yến N, Hoàng Thị Phương T và Hoàng Khắc H. Chị Hoàng Thị L đã lập gia đình và sinh sống ở huyện Từ Liêm, còn bà sinh sống cùng vợ chồng anh C. Nguồn gốc thửa đất số 112, tờ bản đồ số 03, diện tích 285,1m² ở thôn H, xã L, huyện Đ, Thành phố Hà Nội là do vợ chồng bà mua được. Trên thửa đất có 03 gian nhà cấp 4 xây trần hiên, 01 gian bếp do vợ chồng bà làm, còn 02 gian nhà cấp 4, nhà vệ sinh, mái tôn, bể nước là do vợ chồng anh C, chị M làm. Do cần vốn làm ăn nên năm 2010 bà và các con bà đã làm thủ tục chuyển toàn bộ diện tích 285,1m² đất tại thửa 112, tờ bản đồ số 03 cùng tài sản trên đất ở thôn H, xã L, huyện Đ cho anh Hoàng Khắc C. Việc chuyển giao đã được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Đan Phượng chỉnh lý biến động từ tên bà sang tên anh C vào ngày 04/01/2010. Cũng do cần vốn để làm ăn nên vợ chồng anh C đã thế chấp toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản trên đất để vay tiền của Ngân hàng dùng vào việc kinh doanh. Do làm ăn còn gặp khó khăn nên vợ chồng anh C chưa trả được nợ cho Ngân hàng, nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu anh C và chị M trả nợ, bà đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện cho gia đình bà có nơi ở.

- Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng anh Hoàng Khắc C không đến Tòa án nên không ghi được lời khai của anh C. Tại phiên tòa, anh Hoàng Khắc C, chị Đặng Thị M và bà Nguyễn Thị T mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt.

- Đại diện Ngân hàng Thương mại cổ phần A tại phiên tòa yêu cầu anh C, chị M trả toàn bộ số nợ cho Ngân hàng, tính đến ngày 29/9/2017 là 828.346.328 đồng, trong đó tiền gốc: 395.145.000 đồng, lãi trong hạn: 189.607.581 đồng, lãi quá hạn: 243.593.747 đồng. Nếu anh C, chị M không trả được nợ thì Ngân hàng giữ nguyên yêu cầu, đề nghị phát mại tài sản bảo đảm là thửa đất số 112, tờ bản đồ số 03, diện tích 285,1m² ở thôn H, xã L, huyện Đ, Thành phố Hà Nội, để thu hồi nợ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Từ khi thụ lý vụ án, cũng như quá trình điều tra, thu thập chứng cứ vụ án, Tòa án đã thực hiện đúng trình tự tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Áp dụng Điều 91, 95 Luật tổ chức tín dụng; Điều 471, 474, 715, 716 Bộ luật dân sự; Điều 30, 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần A yêu cầu anh C, chị M trả số nợ theo các Hợp đồng tín dụng tính đến ngày 29/9/2017 với số tiền gốc 395.145.000 đồng, lãi trong hạn 189.607.581 đồng, lãi quá hạn 243.593.747 đồng.

Nếu anh C, chị M không thanh toán khoản tiền nêu trên thì đề nghị Tòa án cho phát mại tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 112, tờ bản đồ số 03, diện tích 285,1m² ở thôn H, xã L, huyện Đ, Thành phố Hà Nội đứng tên

anh Hoàng Khắc C, để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ. Anh C, chị M phải chịu án phí sơ thẩm.

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Ngân hàng Thương mại cổ phần A và anh Hoàng Khắc C, chị Đặng Thị M có ký kết 04 Hợp đồng tín dụng, nội dung Ngân hàng cho anh C, chị M vay tiền để sử dụng vào mục đích kinh doanh đồ gỗ. Do anh C, chị M không trả được nợ theo thoả Tận trong hợp đồng nên Ngân hàng Thương mại cổ phần A khởi kiện đòi nợ, anh C có Giấy phép đăng ký kinh doanh nên xác định đây là quan hệ pháp luật Kinh doanh thương mại về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” được quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc giao các văn bản tố tụng cho phía bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để các đương sự thực hiện quyền của mình theo qui định pháp luật, tuy nhiên các đương sự không đến Tòa án. Anh Hoàng Khắc C có biểu hiện trốn tránh nên Tòa án không tiến hành ghi được lời khai của anh C, việc mở các phiên họp để hoà giải vụ án cũng không tiến hành được. Căn cứ vào Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội quyết định đưa vụ án ra xét xử.

[2]. Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu điều tra và do các đương sự xuất trình, xác định vợ chồng anh Hoàng Khắc C và chị Đặng Thị M có ký kết 04 Hợp đồng tín dụng với Ngân hàng Thương mại cổ phần A. Quá trình thực hiện các hợp đồng tín dụng, do anh C và chị M không trả nợ tiền gốc và tiền lãi theo đúng thoả thuận qui định trong hợp đồng tín dụng được hai bên ký kết, vì vậy ngày 08/5/2015 Ngân hàng Thương mại cổ phần A đã chuyển số nợ anh C, chị M vay sang nợ quá hạn. Tuy nhiên, từ đó đến nay thì anh C và chị M cũng không trả được nợ vay nên Ngân hàng Thương mại cổ phần A khởi kiện đòi nợ.

Quá trình giải quyết vụ án, tuy anh Hoàng Khắc C vắng mặt nhưng chị Đặng Thị M đã có lời khai thừa nhận việc vợ chồng có vay tiền của Ngân hàng Thương mại cổ phần A theo 04 Hợp đồng tín dụng và các Khế ước nhận nợ, với tổng số tiền vay là 600.000.000 đồng. Kể từ ngày ký hợp đồng anh C và chị M đã trả được một phần gốc và lãi, sau đó do khó khăn trong việc làm ăn, phát triển kinh tế nên không trả được nợ cho Ngân hàng. Như vậy, có căn cứ xác định do anh C và chị M vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng Thương mại cổ phần A khởi kiện đòi nợ là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Tính đến ngày 29/9/2017, số tiền anh C và chị M nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần A được xác định cụ thể như sau:

- Hợp đồng số HAD.CN.01200510 ngày 22/5/2010, anh C và chị M vay số tiền 100.000.000 đồng. Quá trình vay nợ đã trả được tiền gốc 62.490.000 đồng, còn nợ 71.826.633 đồng; trong đó số nợ gốc 37.510.000 đồng, lãi trong hạn 17.937.573 đồng, lãi quá hạn 16.379.060 đồng.

- Hợp đồng số HAD.CN.02200510 cùng ngày 22/5/2010, anh C và chị M vay số tiền 100.000.000 đồng. Quá trình vay nợ đã trả được tiền gốc 62.490.000 đồng, còn nợ 71.826.633 đồng; trong đó số nợ gốc 37.510.000 đồng, lãi trong hạn 17.937.573 đồng, lãi quá hạn 16.379.060 đồng.

- Hợp đồng số HAD.CN.01141210 ngày 14/12/2010, anh C và chị M vay số tiền 150.000.000 đồng. Quá trình vay nợ đã trả được tiền gốc 71.875.000 đồng, còn nợ là 150.115.829 đồng; trong đó số nợ gốc 78.125.000 đồng, lãi trong hạn 37.505.985 đồng, lãi quá hạn 34.484.844 đồng.

- Hợp đồng số HAD.CN.01270511 ngày 27/5/2011, anh C và chị M vay số tiền 250.000.000 đồng. Quá trình vay nợ đã trả được tiền gốc 8.000.000 đồng, còn nợ là 534.577.233 đồng; trong đó số nợ gốc 242.000.000 đồng, lãi trong hạn 116.226.450 đồng, lãi quá hạn 176.350.783 đồng.

Như vậy, Ngân hàng Thương mại cổ phần A yêu cầu anh C và chị M thanh toán số nợ tính đến ngày 29/9/2017 tổng số là 828.346.328 đồng, trong đó số gốc 395.145.000 đồng, lãi trong hạn 189.607.581 đồng, lãi quá hạn 243.593.747 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy: Số tiền vay gốc được thể hiện trong các Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ và các văn bản thanh toán nên chấp nhận số tiền gốc còn lại như Ngân hàng yêu cầu đối với anh C, chị M phải trả là 395.145.000 đồng.

Về khoản tiền lãi Ngân hàng yêu cầu: Tại các Hợp đồng tín dụng cũng như Khế ước nhận nợ ngày 22/5/2010, hai bên thỏa thuận bên vay phải chịu lãi trong hạn là 15,62%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; Hợp đồng tín dụng cũng như Khế ước nhận nợ ngày 14/12/2010, hai bên thỏa thuận bên vay phải chịu lãi trong hạn là 19%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn và Hợp đồng tín dụng cũng như Khế ước nhận nợ ngày 27/5/2011, hai bên thỏa thuận bên vay phải chịu lãi trong hạn là 18,55%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Quá trình vay, anh C và chị M đã thanh toán được cho Ngân hàng tính đến tháng 11/2014 là 332.799.669 đồng, sau đó anh C và chị M đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo như hợp đồng đã ký. Theo yêu cầu của Ngân hàng thì đến ngày 29/9/2017, anh C và chị M còn nợ số tiền lãi là 433.201.328 đồng, gồm tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn. Yêu cầu của Ngân hàng đối với anh C, chị M về việc trả tiền lãi như trên là phù hợp với qui định của pháp luật nên buộc anh C và chị M phải có trách nhiệm trả nợ tiền lãi cho Ngân hàng.

Về tài sản thế chấp: Để đảm bảo cho khoản nợ vay của Ngân hàng, ngày 21/5/2010 anh Hoàng Khắc C và chị Đặng Thị M đã dùng quyền sử dụng đất và tài

sản trên đất tại thửa đất số 112, tờ bản đồ số 03, diện tích 285,1m² ở thôn H, xã L, huyện Đ, Thành phố Hà Nội để thế chấp với Ngân hàng. Nguồn gốc mảnh đất trên đã được Ủy ban nhân dân huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Nguyễn Thị T. Tuy nhiên, bà T thừa nhận đã cùng gia đình làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất và tài sản cho anh Hoàng Khắc C. Việc chuyển quyền sử dụng đất và tài sản đã được Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đan Phượng đăng ký theo qui định. Như vậy, xác định 03 gian nhà cấp 4 xây trần hiên, 02 gian nhà cấp 4, nhà vệ sinh, mái tôn trên diện tích 285,1m² đất hiện bà Nguyễn Thị T, anh Hoàng Khắc C, chị Đặng Thị M, cùng các cháu N, cháu T và cháu H đang sinh sống thuộc tài sản thế chấp để bảo đảm cho khoản vay của anh C, chị M với Ngân hàng Thương mại cổ phần A. Trường hợp anh C, chị M không trả được số nợ trên thì Ngân hàng Thương mại cổ phần A có quyền đề nghị cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và các tài sản trên đất tại thửa đất số 112, tờ bản đồ số 03, diện tích 285,1m² ở thôn H, xã L, huyện Đ, Thành phố Hà Nội để thanh toán nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng.

Kể từ ngày 30/9/2017, anh C và chị M còn phải trả tiền lãi suất phát sinh đối với khoản nợ gốc theo mức lãi suất các bên thỏa Tận trong hợp đồng tín dụng, cho đến khi anh C, chị M thanh toán xong khoản nợ.

Khi anh Hoàng Khắc C và chị Đặng Thị M thanh toán xong khoản nợ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần A phải trả lại cho anh C, chị M các giấy tờ liên quan đến quyền sử dụng đất, tài sản thế chấp các bên đã ghi nhận trong Hợp đồng thế chấp.

[3]. Về án phí: Ngân hàng Thương mại cổ phần A được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả lại Ngân hàng Thương mại cổ phần A số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội. Anh Hoàng Khắc C và chị Đặng Thị M phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 91, 95 Luật tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 471, 474, 715, 717, 718, 719, 720, 721 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 30, 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần A(ACB) đối với anh Hoàng Khắc C và chị Đặng Thị M.

2. Buộc anh Hoàng Khắc C và chị Đặng Thị M phải trả Ngân hàng Thương mại cổ phần A(ACB) số tiền vay của 04 Hợp đồng tín dụng, cụ thể như sau:

+ Hợp đồng số HAD.CN.01200510 ngày 22/5/2010, tính đến ngày 29/9/2017 với số tiền là 71.826.633 đồng; trong đó số tiền nợ gốc 37.510.000 đồng, lãi trong hạn 17.937.573 đồng, lãi quá hạn 16.379.060 đồng.

+ Hợp đồng số HAD.CN.02200510 ngày 22/5/2010, tính đến ngày 29/9/2017 với số tiền là 71.826.633 đồng; trong đó số nợ gốc 37.510.000 đồng, lãi trong hạn 17.937.573 đồng, lãi quá hạn 16.379.060 đồng.

+ Hợp đồng số HAD.CN.01141210 ngày 14/12/2010, tính đến ngày 29/9/2017 với số tiền là 150.115.829 đồng; trong đó số nợ gốc 78.125.000 đồng, lãi trong hạn 37.505.985 đồng, lãi quá hạn 34.484.844 đồng.

+ Hợp đồng số HAD.CN.01270511 ngày 27/5/2011, tính đến ngày 29/9/2017 với số tiền là 534.577.233 đồng; trong đó số nợ gốc 242.000.000 đồng, lãi trong hạn 116.226.450 đồng, lãi quá hạn 176.350.783 đồng.

Tổng cộng: Số nợ theo 04 Hợp đồng tín dụng, tính đến ngày 29/9/2017 là 828.346.328 đồng (*Tám trăm hai mươi tám triệu ba trăm bốn mươi sáu nghìn ba trăm hai mươi tám đồng*); trong đó nợ gốc: 395.145.000 đồng (*Ba trăm chín mươi lăm triệu một trăm bốn mươi lăm nghìn đồng*), nợ lãi trong hạn: 189.607.581 đồng (*Một trăm tám mươi chín triệu sáu trăm linh bảy nghìn năm trăm tám mươi mốt đồng*), nợ lãi quá hạn: 243.593.747 đồng (*Hai trăm bốn mươi ba triệu năm trăm chín mươi ba nghìn bảy trăm bốn mươi bảy đồng*).

Kể từ ngày 30/9/2017, anh Hoàng Khắc C và chị Đặng Thị M còn phải chịu tiền lãi phát sinh đối với khoản nợ gốc theo mức lãi suất thoả Tận trong 04 Hợp đồng tín dụng đã được ký kết giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần A với anh Hoàng Khắc C và chị Đặng Thị M, cho đến khi anh C và chị M trả hết khoản nợ.

Trường hợp anh Hoàng Khắc C và chị Đặng Thị M không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A thì Ngân hàng có quyền đề nghị Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội phát mại toàn bộ tài sản thế chấp để thu hồi khoản nợ. Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 112, tờ bản đồ số 03, diện tích 285,1m² ở thôn H, xã L, huyện Đ, thành phố Hà Nội, đã được Ủy ban nhân dân huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Nguyễn Thị T, bà T đã chuyển quyền sử dụng đất cho anh Hoàng Khắc C và đã được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Đan Phượng đăng ký theo qui định của pháp luật vào ngày 04/01/2010. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, số công chứng: 4366.10/HĐTC ngày 21/5/2010 tại Văn phòng công chứng số 1 Thành phố Hà Nội; đăng ký thế chấp ngày 21/5/2010 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội.

Khi anh Hoàng Khắc C và chị Đặng Thị M hoàn thành nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần A phải có trách nhiệm trả lại cho anh C, chị M các giấy tờ liên quan đến quyền sử dụng đất và tài sản đã thế chấp được ghi nhận trong Hợp đồng thế chấp tài sản giữa hai bên.

3. Về án phí: Anh Hoàng Khắc C và chị Đặng Thị M phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm đối với khoản nợ theo các hợp đồng tín dụng là 36.850.449 đồng (*Ba mươi sáu triệu tám trăm năm mươi nghìn bốn trăm bốn mươi chín đồng*).

Trả lại Ngân hàng Thương mại cổ phần A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 16.000.000 đồng (*Mười sáu triệu đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005605 ngày 26/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại cổ phần A có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo qui định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đan Phượng;
- CCTHADS huyện Đan Phượng;
- TAND thành phố Hà Nội;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Doãn Văn Tuyến

